

Thuốc thủy châm Golvaska (Mecobalamin) là chế phẩm dạng Coenzym của Vitamin B₁₂ có trong máu và dịch não tủy. Hoạt chất này được vận chuyển vào mô thần kinh cao hơn các dạng khác của Vitamin B₁₂. Mecobalamin có tác dụng phục hồi những mô thần kinh bị tổn thương và ngăn chặn sự dẫn truyền các xung thần kinh bất thường, do đó có tác dụng điều trị các chứng đau thần kinh. Nhóm nghiên cứu được kết hợp thêm thủy châm thuốc Golvaska vì vậy mà kết quả giảm đau theo chỉ số VAS cải thiện tốt hơn nhóm đối chứng.

Sau điều trị, nhóm nghiên cứu đều có cải thiện tầm vận động cột sống thắt lưng tốt hơn ở nhóm chứng sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,01$. Trong bệnh đau thần kinh hông to mạn tính có giảm độ giãn cột sống thắt lưng là hậu quả của triệu chứng đau. Kết quả này phù hợp với kết quả giảm đau theo điểm VAS, vì cảm giác đau giảm đi thì tầm vận động cột sống tăng lên.

Nghiên cứu chưa thấy xuất hiện tác dụng không mong muốn trên lâm sàng và cận lâm sàng.

V. KẾT LUẬN

1. Thủy châm thuốc Golvaska có tác dụng

giảm đau và phục hồi chức năng cột sống ở bệnh nhân đau thần kinh hông to do thoái hóa cột sống.

2. Chưa thấy tác dụng không mong muốn nào trên lâm sàng và cận lâm sàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Nhược Kim, Trần Quang Đạt (2008). Chăm sóc và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc. Nhà xuất bản Y học, 205–218, 223 – 225.
2. Nguyễn Nhược Kim (2015). Vai trò của Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại trong điều trị một số bệnh cơ xương khớp, Nhà xuất bản y học, 30 – 35.
3. Khoa Y học cổ truyền - Trường Đại học Y Hà Nội (2012). Bệnh học nội khoa Y học cổ truyền. Nhà xuất bản Y học, 145 – 148.
4. Nguyễn Thị Ngọc Lan (2012). Bệnh học cơ xương khớp nội khoa. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 24 – 25, 152 – 159.
5. Nguyễn Thị Kim Oanh (2013). Đánh giá tác dụng điều trị đau thần kinh hông to bằng phương pháp cấy chỉ catgut kết hợp với thuốc viên Didicera, Luận văn chuyên khoa cấp II, Trường Đại học Y Hà Nội.
6. Đinh Đăng Tuệ, Lê Thành Xuân (2015). Hiệu quả điều trị đau thần kinh tọa bằng phương pháp vật lý trị liệu - phục hồi chức năng kết hợp xoa bóp bấm huyệt. Tạp chí nghiên cứu y học, 93(1), 135 – 141.

THỰC TRẠNG CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH TẠI 02 PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TRỰC THUỘC BỆNH VIỆN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2017 - 2019

Nguyễn Quỳnh Anh¹, Nguyễn Văn Hiếu²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu nhằm mô tả thực trạng thực trạng cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh tại 02 phòng khám đa khoa trực thuộc Bệnh viện Quận Thủ Đức giai đoạn từ năm 2017 – 2019. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang, thu thập số liệu thứ cấp. Sử dụng bảng trống, bảng kiểm từ bộ công cụ đã thiết kế sẵn để tiến hành thu thập các số liệu cần thiết từ báo cáo tổng kết hoạt động của các PKĐKTT. Kết quả: Tổng số lượng nhân viên y tế công tác tại cả 2 phòng khám đều tăng theo từng năm. Tổng số lượt khám chữa bệnh của 02 phòng khám năm 2017 là 145.494 lượt, đến năm 2018 là 227.555 lượt và năm 2019 là

267.77 lượt, trong đó số lượt khám BHYT tại 2 phòng khám chiếm tới hơn 90% so với tổng số lượt KCB (khám chuyên khoa nội chiếm trên 50%). Số lượt khám trung bình trên ngày của 02 phòng khám trong năm qua 3 năm 2017, 2018 và 2019 lần lượt là 200 lượt, 306 lượt, 367 lượt. Số lượt cấp cứu năm từ 146 ca năm 2017 lên 391 ca năm 2019. Tất cả các cận lâm sàng đều tăng nhưng chỉ có dịch vụ Xquang tại 02 phòng khám tăng trong năm 2018 và giảm trong năm 2019. Danh mục kỹ thuật của PKĐK Linh Xuân (1.194 kỹ thuật, tỷ lệ thực hiện được là 72%) và PKĐK Linh Tây (561 kỹ thuật, tỷ lệ thực hiện được là 63,2%).

Từ khóa: Phòng khám đa khoa, cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, Bệnh viện quận Thủ Đức.

SUMMARY

CURRENT SITUATION OF HEALTH CARE SERVICE PROVISION AT TWO GENERAL CLINICS UNDER THU DUC DISTRICT HOSPITAL, PERIOD 2017 - 2019

Objective: The study aims to describe the current situation of health care service provision at two

¹Trường đại học y tế công cộng

²Bệnh viện quận Thủ Đức

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Quỳnh Anh

Email: nqa@huph.edu.vn

Ngày nhận bài: 4.01.2021

Ngày phản biện khoa học: 3.3.2021

Ngày duyệt bài: 15.3.2021

general clinics under Thu Duc District Hospital in the period from 2017 to 2019. **Methods:** Descriptive cross-sectional study, collect secondary data. Using a blank table, checklist from the pre-designed toolkit to collect the necessary data from the operational summary report of the general clinics. **Results:** The total number of medical staff working in both clinics has increased year by year. The total number of medical examination and treatment of the two clinics in 2017 was 145,494, by 2018 it was 227,555 times and in 2019 it was 267.77 times, of which the number of health insurance visits in the 2 clinics accounted for more than 90% of the total number of medical examination. (internal specialist examination accounts for over 50%). The average number of visits per day of the 02 clinics in the past 3 years 2017, 2018 and 2019 was 200, 306 visits, 367 respectively. Number of emergency cases each year from 146 cases in 2017 to 391 cases in 2019. All subclinical increased, but only radiological service in 02 clinics increased in 2018 and decreased in 2019. Technical list of the primary health care unit Linh Xuan (1,194 techniques, implementation rate is 72%) and Linh Tay GPA (561 techniques, rate of implementation is 63.2%).

Keyword: General clinic, medical service provider, Hospital Thu Duc district.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày 01/01/2016, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Bảo hiểm y tế về chính sách mở thông tuyến khám, bệnh tuyến huyện, tuyến xã chính thức có hiệu lực, điều này đã dẫn tới tình trạng quá tải tại một số bệnh viện Quận Huyện tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có Bệnh viện Quận Thủ Đức (1). Tính đến hết ngày 31/12/2016, số lượt khám của bệnh viện tăng so với năm 2015 là 24%, cụ thể từ 914.723 lượt khám (trong đó số lượt khám chữa bệnh bảo hiểm y tế chiếm 82%) lên tới 1.131.782 lượt khám (trong đó số lượt khám chữa bệnh bảo hiểm y tế chiếm 85%). Năm 2017, Sở Y tế và Lãnh đạo Thành phố chỉ đạo các bệnh viện tiếp tục theo chủ trương "mang bệnh viện tới gần dân", nhằm cung ứng đầy đủ các loại hình dịch vụ khám chữa bệnh của bệnh viện tới người dân nằm cách xa bệnh viện. Trước nhu cầu giảm tải cho bệnh viện và thực hiện chủ trương "mang bệnh viện tới gần dân", Bệnh viện quận Thủ Đức đã lên kế hoạch triển khai mô hình hoạt động phòng khám đa khoa trực thuộc tại các phường trên địa bàn quận, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc khám chữa bệnh.

Kể từ khi đi hoạt động tới nay vẫn chưa có nghiên cứu hoặc đánh giá nào đề cập tới số liệu, tình hình cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh của các phòng khám đa khoa trực thuộc Bệnh viện

Quận Thủ Đức. Để có cái nhìn tổng thể về thực trạng cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh của mô hình phòng khám đa khoa như thế nào? Từ đó giúp nhà quản lý đưa ra các chính sách, định hướng phát triển cho các phòng khám và đồng thời rút kinh nghiệm khi triển khai tiếp các phòng khám tại các phường khác trên địa bàn, hoặc nhân rộng mô hình phòng khám tại nơi khác. Do đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu "Thực trạng cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh tại 02 Phòng khám đa khoa trực thuộc Bệnh viện Quận Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017-2019".

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng. Nghiên cứu sử dụng các số liệu thứ cấp từ các báo cáo thống kê về hoạt động cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc, tài chính.

2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu. Từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2020 tại PKĐKTT Linh Xuân và PKĐKTT Linh Tây.

3. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, thu thập số liệu thứ cấp

4. Phương pháp chọn mẫu. Các số liệu thứ cấp được thu thập từ tất cả các báo cáo về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc, tài chính, nhân sự, kết quả hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, hoạt động KCB từ ngày 01/01/2017-31/12/2019.

5. Thu thập số liệu. Sử dụng bảng trống, bảng kiểm từ bộ công cụ đã thiết kế sẵn để tiến hành thu thập các số liệu cần thiết từ báo cáo tổng kết hoạt động của các PKĐKTT từ năm 2017 đến 2019.

6. Các biến số nghiên cứu. Các biến số nghiên cứu định lượng được chi thành 3 phần: Thông tin chung của phòng khám về nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc, về nguồn thu của các phòng khám đa khoa gồm 12 biến số, kết quả cung cấp dịch vụ KCB gồm 9 biến số.

7. Phương pháp phân tích số liệu. Số liệu thứ cấp sau khi làm sạch được nhập và xử lý trên excel, tính toán tỷ lệ % để có các kết quả mô tả theo mục tiêu của nghiên cứu.

8. Đạo đức nghiên cứu: Được sự chấp thuận của Hội đồng đạo đức Trường Đại học Y tế công cộng theo số 163/2020/YTCC-HD3 ngày 24/4/2020.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung về phòng khám đa khoa trực thuộc bệnh viện quận Thủ Đức

Bảng 1. Số lượng nhân viên y tế tại 02 PKĐKTT Linh Xuân và Linh Tây năm 2017-2019.

Nội dung	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		So sánh % 2018/2017		So sánh % 2019/2018	
	Linh Xuân (% so với tổng NV)	Linh Tây (% so với tổng NV)	Linh Xuân (% so với tổng NV)	Linh Tây (% so với tổng NV)	Linh Xuân (% so với tổng NV)	Linh Tây (% so với tổng NV)	Linh Xuân	Linh Tây	Linh Xuân	Linh Tây
Bác sĩ	15(40,5)	8(34,7)	18(36)	8(33,3)	23(33,8)	8(26,7)	120	0	127,7	0
Điều dưỡng	13 (35,1)	7 (30,4)	15 (30)	7 (29,2)	21 (30,8)	9 (30)	115,3	0	140	128,5
Kỹ thuật viên	2 (5,4)	2 (8,7)	6 (12)	2 (8,3)	8 (11,8)	6 (20)	300	0	33,3	300
Hành chính	4 (10,8)	4 (17,4)	6 (12)	5 (20,8)	8 (11,8)	5 (16,7)	50	25	33,3	0
Y sĩ	1(2,7)	0	1(2)	0	2(2,9)	0	0	0	100	0
Dược sĩ	2(5,4)	2(8,7)	4(8)	2(8,3)	6(8,8)	2(6,7)	200	0	50	0
Tổng số	37(100)	23(100)	50(100)	24(100)	68(100)	30(100)	35,1	4,3	36	25

Nhân sự tại các phòng khám đa khoa trực thuộc bệnh viện đều tăng theo từng năm. Trong đó số bác sĩ tại PKĐK Linh Xuân có xu hướng tăng theo từng năm nhưng PKĐK Linh Tây thì số bác sĩ không thay đổi trong 03 năm. Năm 2019, PKĐK Linh Xuân là 23 bác sĩ (có 6 bác sĩ có trình độ sau đại học), chiếm tới 33,8% so với tổng nhân viên còn PKĐK Linh Tây là 8 bác sĩ (có 4 bác sĩ có trình độ sau đại học) chiếm 26,7% tổng nhân viên.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị và thuốc. Số lượng phòng tại PKĐK Linh Xuân tăng từ 24 phòng năm 2017 lên 31 phòng so với năm 2019, số phòng khám tăng từ 11 phòng lên 18 phòng, năm 2018 phòng khám đưa vào sử dụng phòng

CT-Scan. Còn phòng PKĐK Linh Tây không thay đổi số phòng chỉ có 14 phòng. Các trang thiết bị được trang bị khá đầy đủ, có nhiều máy móc hiện đại như máy CT-Scan, máy xét nghiệm, Xquang, hệ thống nội soi. Các phòng khám được bệnh viện cũng cấp đầy đủ các loại thuốc.

Hệ thống công nghệ thông tin. Cả hai phòng khám đang sử dụng phần mềm của bệnh viện là MHIS, đây là phần mềm của bệnh viện được xây dựng với nhiều chức năng: quản lý tiếp nhận người bệnh, quản lý khám chữa bệnh, quản lý tài chính, quản lý trang thiết bị, quản lý nhân sự, quản lý thuốc và quản lý, lưu trữ các kết quả CĐHA, thăm dò chức năng, xét nghiệm, bệnh án điện tử.

3.2. Kết quả cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh của 02 PKĐKTT năm 2017-2019

Bảng 2. Số lượt khám chữa bệnh tại 02 PKĐKTT năm 2017-2019.

Đơn vị tính: Số lượt khám

Nội dung	2017 (n, % so với tổng số KCB)	2018 (n, % so với tổng số KCB)	2019 (n, % so với tổng số KCB)	Tỷ lệ % tăng năm 2018/2017	Tỷ lệ % tăng năm 2019/2018
Tổng số lượt khám bệnh	145.494 (100%)	223.555 (100%)	267.775 (100%)	53,6	19,8
Số lượt khám trung bình/ngày	399	612	734	53,4	19,9
Số lượt khám BHYT	139.230 (95,7%)	205.278 (91,8%)	252.780 (94,4%)	47,4	23,1
Số lượt khám không BHYT	6.264 (4,3%)	18.277 (8,2%)	14.995 (5,4%)	191,7	-18
Số lượt chuyển về bệnh viện điều trị	147	400	534	172	33,5

Số liệu khám chữa bệnh tại 02 phòng khám đa khoa tăng theo từng năm cho thấy người dân đã tin tưởng và biết đến phòng khám. Từ năm 2017, tổng số lượt khám là 145.494 lượt (số lượt KCB BHYT chiếm 95,7%) nhưng đến năm 2019 tổng số lượt khám 327.783 lượt (số lượt KCB BHYT chiếm 94,4%). Số lượng bệnh nhân chuyển về bệnh viện chủ yếu là các chuyên khoa lẻ mà phòng khám

không có bác sĩ hoặc bác sĩ trẻ thiếu kinh nghiệm nên phải chuyển về bệnh viện, tuy nhiên cũng có một số trường hợp là bệnh nhân phải nằm điều trị nội trú nên chuyển bệnh nhân về bệnh viện.

Bảng 3. Số ca cấp cứu của PKĐK Linh Xuân và Linh Tây từ 2017-2019.

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ % tăng năm 2018/2017	Tỷ lệ % tăng năm 2019/2018
Linh Xuân	115	276	363	140	32
Linh Tây	31	29	28	-6	-3
Tổng số	146	295	391	102	33

Số ca cấp cứu của 02 phòng khám có xu hướng trái ngược nhau, PKĐK Linh Xuân thì xu hướng các ca cấp cứu tăng theo từng năm từ năm 2017 là 115 ca tăng lên 363 ca vào năm 2019. Ngược lại, PKĐK Linh Tây thì số ca cấp cứu có xu hướng giảm từ năm 2017 là 31 ca đến năm 2019 chỉ còn 28 ca.

Bảng 4. Số lượt khám chữa bệnh chuyên khoa của PKĐK Linh Xuân và Linh Tây từ 2017-2019

Nội dung	Năm 2017	Tỷ lệ % so với tổng số lượt KCB	Năm 2018	Tỷ lệ % so với tổng số lượt KCB	Năm 2019	Tỷ lệ % so với tổng số lượt KCB
Nội	91.878	63,1	130.452	57,3	150.366	56,2
Ngoại	11.645	8,0	22.804	10,0	30.154	11,3
Sản	2.730	1,9	6.136	2,7	6.852	2,6
Nhi	16.152	11,1	33.620	14,8	38.010	14,2
Y học cổ truyền	8.093	5,6	9.305	4,1	9.146	3,4
Răng hàm mặt	6.246	4,3	7.080	3,1	11.642	4,4
Tai mũi họng	7.101	4,9	14.010	6,1	19.557	7,3
Da liễu	635	0,4	668	0,3	1.013	0,4
Mắt	969	0,7	740	0,3	721	0,3

Nhìn chung hoạt động khám chữa bệnh theo từng chuyên khoa tại 02 phòng khám đa khoa đều tăng về số lượt khám, điều này cho thấy sự tin tưởng của người bệnh với các phòng khám. Tuy nhiên, một số chuyên khoa chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh và mong muốn của người dân dẫn đến số lượt khám giảm. Số

lượt khám chữa bệnh chuyên khoa nội chiếm trên 50% tổng số lượt khám của cả 02 phòng khám, chủ yếu là các bệnh mãn tính không lây nhiễm như đái tháo đường, tăng huyết áp, COPD... Hiện tại trong 02 phòng khám chỉ có PKĐK Linh Xuân là đầy đủ các chuyên khoa, đặc biệt là các chuyên khoa lẻ như da liễu, tai mũi họng, mắt...

Bảng 5. Số lượng cận lâm sàng của 2 PKĐKTT từ năm 2017-2019

Đơn vị tính: Số lượt thực hiện

Nội dung	2017 (n,% so tổng CLS)	2018 (n,% so tổng CLS)	2019 (n,% so tổng CLS)	Tỷ lệ tăng % năm 2017/2018	Tỷ lệ tăng % năm 2018/2019
Xquang	15.101(23%)	26.322(22,3%)	26.028(19%)	74,4	-1,8
Siêu âm	22.642(35%)	39.744(33,7%)	46.219(34%)	75,5	16,3
Xét nghiệm	17.255(27%)	30.301(25,7%)	37.757(27,7%)	75,6	24,6
Điện tim	9.740(15%)	16.723(14,2%)	20.437(15%)	71,1	22,2
CT Scan	0	4.993(4,2%)	3.049(2,3%)	-	-39
Nội soi TMH	0	0	2.204	-	-
Điện Cơ	0	0	24	-	-
Nội soi Dạ Dày	0	0	255	-	-
Tổng số	64.736	118.083	136.189	82,4	15,3

Số lượng thực hiện cận lâm sàng tại 02 phòng khám có xu hướng tăng theo từng năm, số liệu này cũng cho thấy khi số lượng khám chữa bệnh tăng thì số lượng thực hiện các cận lâm sàng cũng tăng theo. Tuy nhiên tất cả chỉ số lượt của Xquang và CT-Scan có xu hướng giảm. Trong tổng số cận lâm sàng được thực hiện thì

siêu âm chiếm tới 34% tổng số cận lâm sàng thực hiện, tiếp đến là xét nghiệm chiếm 27%, Xquang chiếm 19%, điện tim chiếm 17%, CT Scan chiếm chỉ 2%, còn lại điện cơ, nội soi tai mũi họng, dạ dày chỉ chiếm 1%.

3.3 Khả năng cung cấp dịch vụ kỹ thuật của PKĐK Linh Xuân và Linh Tây từ 2017-2019.

Bảng 6. Danh mục kỹ thuật của PKĐK Linh Xuân và PKĐK Linh Tây

Nội dung	Linh Xuân	Linh Tây
Tổng DMKT được duyệt	1.194	561
Đúng tuyến	1.022	385
Vượt tuyến	172	176
Tỷ lệ % so với DMKT tuyến huyện (4549 kỹ thuật)	22,46%	8,5%

Danh mục kỹ thuật nhìn chung cả 2 phòng khám được duyệt vẫn còn chiếm tỷ lệ ít so với tổng DMKT theo phân tuyến của PKĐK theo quy định của Bộ Y tế. Cụ thể danh mục kỹ thuật PKĐK Linh Xuân được duyệt đạt 22,46% so với danh mục kỹ thuật theo phân tuyến, trong đó có 172 kỹ thuật vượt tuyến. DMKT của PKĐK Linh Xuân (1.194 kỹ thuật, tỷ lệ thực hiện được là 72%) và PKĐK Linh Tây (561 kỹ thuật, tỷ lệ thực hiện được là 63,2%).

Bảng 7. Số lượng phẫu thuật, thủ thuật của 2 PKĐKTT từ năm 2017-2019

STT	Nội dung	2017		2018		2019	
		Linh Xuân	Linh Tây	Linh Xuân	Linh Tây	Linh Xuân	Linh Tây
	Phẫu thuật	186	0	364	0	455	0
1	Loại 2	95	0	186	0	232	0
2	Loại 3	91	0	178	0	223	0
	Thủ thuật	31.678	18.336	61.872	25.256	77.340	32.563
1	Loại ĐB	174	0	340	0	425	0
2	Loại 1	898	401	1.754	552	2.192	696
3	Loại 2	21.854	11.177	42.684	15.396	53.355	19.604
4	Loại 3	8752	6.758	17.094	9.308	21.368	12.236
	Tổng Phẫu thuật và thủ thuật	31.864	18.336	62.236	25.256	77.795	32.563

Việc thực hiện triển khai danh mục kỹ thuật hiệu quả được chứng minh có thông qua số lượng thực hiện phẫu thuật, thủ thuật. Qua bảng kết quả trên cho thấy số lượng phẫu thuật, thủ thuật tại 02 phòng khám tăng theo từng năm nhưng chỉ có PKĐK Linh Xuân là thực hiện phẫu thuật, tổng số phẫu thuật/thủ thuật của phòng khám cao hơn so với phòng khám Linh Tây. Cụ thể năm 2017 PKĐK Linh Xuân thực hiện được 31.864 lượt đến năm 2019 tăng lên 77.795 lượt, PKĐK Linh Tây năm 2017 thực hiện được 18.336 lượt đến năm 2019 tăng lên 32.563 lượt. Tuy nhiên phòng khám mới chỉ triển khai được các thủ thuật loại 1, loại 2, loại 3. Các kỹ thuật chủ yếu thực hiện tại các phòng khám là thủ thuật loại 2 và loại 3.

IV. BÀN LUẬN

Kết quả cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh của PKĐK Linh Xuân và Linh Tây. Sau thời gian đi vào hoạt động, cả 02 phòng khám cho thấy được sự hiệu quả của mình trong công tác KCB. Tổng số lượt khám chữa bệnh của 02 phòng khám tăng dần qua các năm, trong đó số lượt khám BHYT tại 2 phòng khám chiếm tới hơn 90% so với tổng số lượt. Số lượt khám trung bình trên ngày của 02 phòng khám trong năm qua 3 năm 2017, 2018 và 2019 lần lượt là 200 lượt, 306 lượt, 367 lượt. Số lượt khám này cao hơn so với số lượt khám chữa bệnh trung bình/ngày/phòng khám của tất cả phòng khám đa khoa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, năm

2018 số lượt khám trung bình/ngày/phòng khám là 45 lượt, năm 2019 là 71 lượt và tỷ lệ lượt khám BHYT tại tất cả phòng khám đa khoa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh chỉ chiếm 36% tổng số lượt khám vì hầu hết các phòng khám đa khoa trên địa bàn là phòng khám tư nhân và không đăng ký khám chữa bệnh BHYT (1, 2).

Số lượt cấp cứu tại 02 phòng khám tăng theo từng năm từ 146 ca năm 2017 lên 391 ca năm 2019. Tuy nhiên, số ca cấp cứu có sự trái ngược nhau về xu hướng tại PKĐK Linh Xuân và Linh Tây là do PKĐK Linh Xuân được đặt năm ngay trên trục đường Quốc lộ 1K, nơi có mức độ giao thông cao cũng là nơi thường xuyên xảy ra các vụ tai nạn giao thông, một phần nữa xung quanh phòng khám là các khu công nghiệp do đó số lượng công nhân tập trung cao nên thường xảy ra tình trạng ẩu đả dẫn đến số cấp cứu tăng, còn PKĐK Linh Tây nằm ở trục giao thông gần chợ Thủ Đức do đó hay xảy ra tình trạng tắc đường mặt khác đường tới Phòng khám là đường một chiều nên xe tới phòng khám phải quay đầu, các trường hợp cấp cứu thường sẽ đi thẳng tới bệnh viện do đường đi thuận lợi hơn, phần lớn các ca cấp cứu ở PKĐK Linh Tây là người dân ở gần phòng khám.

Số lượng cận lâm sàng của 02 phòng khám có xu hướng tăng theo từng năm. Tỷ lệ tăng số lượt xét nghiệm tại 2 phòng khám cao hơn so với tỷ lệ tăng số lượt xét nghiệm tại nghiên cứu về "Thực trạng kết quả cung cấp dịch vụ chăm sóc

sức khỏe cán bộ tỉnh Bắc Giang năm 2012-2016", số lượt xét nghiệm năm 2015 (tăng hơn năm 2014 là 8,76%) năm 2016 (tăng hơn 2015 là 19%) (3). Tất cả các cận lâm sàng đều tăng nhưng chỉ có dịch vụ Xquang và CT-Scan tại 02 phòng khám tăng trong năm 2018 và giảm trong năm 2019. Số lượng Xquang và CT-Scan giảm là do hệ thống Xquang của phòng khám gặp vấn đề tại đèn chụp, nguyên nhân nữa là cơ quan giám định BHXH không thanh toán một số các chỉ định Xquang và CT-Scan không có bệnh lý do đó phòng khám cũng hạn chế chụp đối với những chỉ định sàng lọc không cần thiết, phải có bệnh lý mới thực hiện chụp nên phòng khám hạn chế chụp Xquang và CT-Scan.

Khả năng cung cấp các dịch vụ kỹ thuật PKĐK Linh Xuân và Linh Tây. Số lượng DMKT của PKĐK Linh Xuân (1.194 kỹ thuật, tỷ lệ thực hiện được là 72%) và PKĐK Linh Tây (561 kỹ thuật, tỷ lệ thực hiện được là 63,2%). Tỷ lệ DMKT được duyệt của cả 02 phòng khám thấp hơn nhiều so với danh mục được duyệt tại Phòng khám đa khoa Khu vực Tân Bình, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp năm 2015" là 3.669 kỹ thuật (5). Số lượng danh mục được triển khai tại 2 phòng khám được đánh giá về mặt hiệu quả thông qua số lượng phẫu thuật, thủ thuật thực hiện. Số lượng phẫu thuật, thủ thuật tại phòng khám tăng theo từng năm, trong đó chủ yếu số lượng thủ thuật loại 2, loại 3 chiếm 96,5%, số lượng phẫu thuật chiếm tỷ lệ thấp dưới 1% (chỉ có PKĐK Linh Xuân thực hiện).

V. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy tổng số lượng nhân viên y tế công tác tại cả 2 phòng khám đều tăng theo từng năm, tuy nhiên số lượng nhân sự

có trình độ sau đại học còn thấp, thiếu bác sĩ chuyên khoa. Tổng số lượt khám chữa bệnh của 02 phòng khám ngày càng tăng, trong đó số lượt khám BHYT là chủ yếu, chiếm tới hơn 90%. Số lượng khám chữa bệnh tại 02 phòng khám chủ yếu là chuyên khoa nội (chiếm trên 50%), số lượng khám chữa bệnh chuyên khoa lẻ như răng hàm mặt, tai mũi họng, da liễu, mắt còn thấp. Tất cả các cận lâm sàng đều tăng nhưng chỉ có dịch vụ Xquang tại 02 phòng khám tăng trong năm 2018 và giảm trong năm 2019. Danh mục kỹ thuật được duyệt còn thấp.

Kiến nghị: Tuyển thêm nhân sự chuyên khoa đặc biệt là các bác sĩ, tạo điều kiện cho các bác sĩ đi học các lớp sau đại học để nâng cao trình độ chuyên môn, đề xuất xin duyệt thêm danh mục kỹ thuật, sửa chữa hoặc đầu tư nâng cấp hệ thống chụp Xquang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Sở Y tế (2019).** "Báo cáo thống kê y tế TP.Hồ Chí Minh năm 2018".
2. **Sở Y tế (2020).** "Báo cáo thống kê y tế TP.Hồ Chí Minh năm 2019".
3. **Vũ Thanh Gianna (2017).** "Thực trạng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại phòng khám thuộc Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Bắc Giang giai đoạn năm 2012 đến 2016", Chuyên khoa 2 quản lý y tế, Trường Đại học Y tế công cộng Hà Nội.
4. **Đỗ Thu Hoàng (2019).** "Chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh và một số yếu tố ảnh hưởng tại khoa Khám bệnh đa khoa Viên Y dược học dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh năm 2019", Trường đại học Y tế công cộng Hà Nội.
5. **Châu Văn Mỹ (2015).** "Thực trạng cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh tại PKĐKKV Tân Bình, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp năm 2015", Trường Đại học Y tế công cộng Hà Nội.
6. **Quốc Hải (2014).** "Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế".

NGHIÊN CỨU MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA TẢI LƯỢNG HBV DNA VÀ HOẠT ĐỘ ENZYM ALT Ở BỆNH NHÂN VIÊM GAN VI RÚT B MẠN TÍNH

Lê Văn Nam¹, Đỗ Như Bình²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát tải lượng HBV-DNA, hoạt độ ALT huyết thanh và bước đầu đánh giá mối tương quan giữa tải lượng HBV DNA với hoạt độ enzym ALT

¹Bệnh viện Quân y 103

²Ban khoa học quân sự, Bệnh viện Quân y 103

Chịu trách nhiệm chính: Lê Văn Nam

Email: drlennam103@gmail.com

Ngày nhận bài: 4.01.2021

Ngày phản biện khoa học: 2.3.2021

Ngày duyệt bài: 12.3.2021

ở bệnh nhân viêm gan vi rút B mạn tính (VGBMT).

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, hồi cứu trên 39 bệnh nhân viêm gan B mạn tính điều trị tại khoa Truyền nhiễm Bệnh viện Quân y 103 từ 03/2018 đến 04/2019. **Kết quả:** Tải lượng HBV DNA trung bình của nhóm bệnh nhân nghiên cứu là $1,2 \times 10^8 \pm 0,7 \times 10^7$ copies/mL. Hoạt độ ALT huyết thanh trung bình của các bệnh nhân nghiên cứu là $561,94 \pm 207,19$ U/L. Chưa có mối tương quan có ý nghĩa thống kê nào giữa giữa tải lượng HBV DNA huyết thanh với hoạt độ ALT huyết thanh ở các bệnh nhân VGBMT nói chung ($r = -0,12$; $p = 0,46$) cũng như từng nhóm bệnh nhân nói riêng.